

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên vật liệu cho đề tài “Nghiên cứu chế phẩm nấm men tái tổ hợp kiểm soát vi khuẩn gây bệnh chủ yếu trên cá tra”, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Số điện thoại: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 17 tháng 10 năm 2025.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 90 ngày, **kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **60 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. (Nếu có)

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chủng E. coli DH5 α	C3029J	Mỹ	NEB	* Chủng E. coli B được thiết kế để thúc đẩy sự hình thành liên kết disulfide trong tế bào chất * Không có nguồn gốc từ động vật * Hiệu suất chuyển đổi: 1 x 10 ⁷ cfu/ μ g pUC19 DNA - Quy cách: Bộ/ 10 x 100 μ L	Bộ	1
2	Chủng E. coli SHuffle® T7 Express	EC0112	Lithuania	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* Sử dụng trong tạo ngân hàng gene hoặc tổng hợp thư viện cDNA từ vector có nguồn gốc từ plasmid * Hiệu suất biến đổi cao: >1x10 ⁹ cfu/ μ g pUC19 DNA * Chủng vi khuẩn hoặc nấm men: DH5 α * Loại vi khuẩn: E. coli - Quy cách: Bộ/ 12 x 0.05 mL	Bộ	1
3	Tổng hợp G-block/ Gene Fragment	SV10-004	Việt Nam	Phù Sa Genomics	* Tổng hợp Gblock/Gene Fragment: Tổng hợp đoạn DNA sợi đôi * Kích thước (bp): 701 - 1000 bp * Lượng sản phẩm: 400-500 ng/ ống	Ống	1
4	Môi phản ứng PCR		Việt Nam	Phù Sa Genomics	* Chiều dài từ 6 đến 75 base, OD 3+ * Độ tinh sạch: >90% * Sản phẩm được giao trong tube 1,5 mL	Ống	20
5	Anti His-tag antibody (mouse, monoclonal)	MA1-21315	Mỹ	Invitrogen / ThermoFisher Scientific	* Ứng dụng: WB, IHC, IHC (P), Flow, ELISA * Phản ứng với: Tag * Kháng thể đơn dòng * Host/ Isotype: Mouse / IgG2b * Clone: HIS.H8 * Nồng độ: 1 mg/mL - Quy cách: Ống/ 100 μ g	Ống	2
6	Anti His-tag antibody (Rabbit, polyclonal)	PA1-983B	Mỹ	Invitrogen / ThermoFisher Scientific	* Ứng dụng: WB, ICC/IF, Flow, ELISA * Phản ứng với: Tag * Kháng thể đa dòng * Host/ Isotype: Rabbit / IgG * Nồng độ: 2 mg/mL - Quy cách: Ống/ 200 μ g	Ống	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	PCR 2X master mix	K0171	Lithuania	Thermo Scientific/ThermoFisher Scientific	* Hỗn hợp bao gồm Taq DNA, dNTPs và các thành phần cần thiết cho PCR * Khuếch đại các đoạn DNA lên đến 5kb * Tạo ra các sản phẩm PCR với phần đầu 3'-dA - Quy cách: Bộ/ 200 rxns	Bộ	10
8	Enzyme cắt giới hạn NotI	ER0595	Lithuania	Thermo Scientific/ThermoFisher Scientific	* Enzyme cắt giới hạn, trình tự cắt: 5'...G C↓G G C C G C...3' 3'...C G C C G G↑C G...5' * Nhiệt độ hoạt động tối ưu: 37°C * Nồng độ: 10 U/μL * Buffer tương thích: 10X Buffer O - Quy cách: Bộ/ 500 units	Bộ	3
9	Enzyme cắt giới hạn XbaI	ER0685	Lithuania	Thermo Scientific/ThermoFisher Scientific	* Enzyme cắt giới hạn, trình tự cắt: 5'...G C↓G G C C G C...3' 3'...C G C C G G↑C G...5' * Nhiệt độ hoạt động tối ưu: 37°C * Nồng độ: 10 U/μL * Buffer tương thích: 10X Buffer O - Quy cách: Bộ/ 3,000 units	Bộ	2
10	Enzyme cắt giới hạn XhoI	ER0691	Lithuania	Thermo Scientific/ThermoFisher Scientific	* Enzyme cắt giới hạn, trình tự cắt: 5'...C↓T C G A G...3' 3'...G A G C T↓C...5' * Nhiệt độ hoạt động tối ưu: 37°C * Nồng độ: 10 U/μL * Buffer tương thích: 10X Buffer R - Quy cách: Bộ/ 2,000 units	Bộ	3
11	T4 ligase (T4 DNA ligase 5U/ul)	EL0011	Lithuania	Thermo Scientific/ThermoFisher Scientific	* Xúc tác quá trình hình thành liên kết phosphodiester giữa đầu 5'-phosphate và đầu 3'-hydroxyl * Cần ATP làm cofactor * Thời gian nhanh: 10 phút ở nhiệt độ phòng * Nồng độ: 5 U/μL * Buffer tương thích: 10X T4 DNA Ligase Buffer - Quy cách: Bộ/ 1,000 units	Bộ	3

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
12	EZ-10 Spin Column DNA Gel Extraction Kit	BS353	Canada	Biobasic	* Tinh sạch DNA plasmid, DNA từ gel agarose và từ các phản ứng enzyme như PCR hoặc bằng enzyme cắt giới hạn * DNA được hấp phụ chọn lọc trong cột EZ-10 dựa trên silica gel * không yêu cầu sử dụng phenol, chloroform hoặc CsCl - Quy cách: Bộ/ 50 preps	Bộ	3
13	Buffer O 10X	BO5	Lithuania	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* Loại buffer: O (Orange) buffer * Đảm bảo các điều kiện phản ứng tối ưu cho enzyme cắt giới hạn * Được trộn sẵn với BSA để tăng cường độ ổn định * Nồng độ: 10X - Quy cách: Hộp/ 5 x 1.0 mL	Hộp	2
14	Buffer Tango 10X	BY5	Lithuania	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* Loại buffer: Tango (Yellow) buffer * Đảm bảo các điều kiện phản ứng tối ưu cho enzyme cắt giới hạn * Được trộn sẵn với BSA để tăng cường độ ổn định * Nồng độ: 10X - Quy cách: Hộp/ 5 x 1.0 mL	Hộp	2
15	HyperLadder 100bp	BIO-33029	Anh	Bioline	* Thang điện di kích thước từ 100bp đến 1kb; 10 băng tham chiếu tương ứng * Cung cấp kèm dung dịch nạp gel * Điện di DNA mạch đôi; gel agarose 1% to 2% - Quy cách: Bộ/ 200 lanes	Bộ	3
16	Eco Green DNA dye (ready to use)	DT81414	Canada	Biobasic	* Thuốc tải nhuộm DNA, DNA sợi đơn và RNA khi điện di gel agarose * Thay thế Ethidium Bromide (độc hại, có khả năng gây đột biến) * Sẵn sàng sử dụng - Quy cách: Ống/ 1.5 mL	Ống	1
17	Rnase A	R1253	Lithuania	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* RNase A là thành phần dùng trong các bộ kit tách chiết plasmid * Nồng độ: 10 mg/mL - Quy cách: Ống/ 0.7 mL	Ống	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	IPTG	R0392	Lithuania	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* Làm bất hoạt chất ức chế lac và gây ra sự tổng hợp beta-galactosidase * Ứng dụng: - Sàng lọc khuẩn lạc màu xanh/trắng để phân biệt các khuẩn lạc tái tổ hợp (trắng) với các khuẩn lạc không tái tổ hợp (xanh lam) - Cảm ứng biểu hiện gen dưới sự kiểm soát của Lac * Nồng độ: 0.1 mM - Quy cách: Chai/ 5 G	Chai	2
19	Goat anti mouse IgG gắn HRP	31430	Mỹ	Invitrogen / ThermoFisher Scientific	* Làm bất hoạt chất ức chế lac và gây ra sự tổng hợp beta-galactosidase * Ứng dụng: - Sàng lọc khuẩn lạc màu xanh/trắng để phân biệt các khuẩn lạc tái tổ hợp (trắng) với các khuẩn lạc không tái tổ hợp (xanh lam) - Cảm ứng biểu hiện gen dưới sự kiểm soát của Lac * Nồng độ: 0.1 mM - Quy cách: Ống/ 2 mL	Ống	3
20	Polyme tự nhiên Agar A - FB0010, 100 g/chai	FB0010	Canada	Biobasic	* Thành phần: 70% agarose và 30% agarpectin * Trạng thái: dạng kem màu trắng nhạt * Uả nước; không tan trong cồn - Quy cách: Chai/ 100 G	Chai	2
21	Polyme tự nhiên Agarose M, 250 g/chai	AB0013	Canada	Biobasic	* Agarose điện di dạng bột mịn, màu trắng * Gel 1.5%: >1,120 gr/cm ² * Nhiệt độ nóng chảy: 87-89°C * Độ pH trong dung dịch (1.5%): 5.5-7.5 * Độ pH trong gel: 5.0-6.0 - Quy cách: Chai/ 250 G	Chai	1
22	Hợp chất DTT-DB0058, 25g/chai	DB0058	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₄ H ₁₀ O ₂ S ₂ * Khối lượng phân tử: 154.25 * Độ tinh sạch: ≥99.0% * Trạng thái: dạng tinh thể trắng * Hòa tan trong nước (10%) - Quy cách: Chai/ 25 G	Chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Kháng sinh Ampicillin (Độ tinh khiết cao)	AB0028	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $C_{16}H_{18}N_3NaO_4S$ * Khối lượng phân tử: 371.39 * Trạng thái: dạng bột màu trắng * Hàm lượng: 845-988 $\mu\text{g}/\text{mg}$ * Nội độc tổ vi khuẩn: $<0.1\text{EU}/\text{mg}$ - Quy cách: Chai/ 25 G	Chai	1
24	Sodium pyruvate	S8636-100ML	Mỹ, Sing, EU, ASIA...	Sigma/Merck	* Nồng độ: 100 mM * Phù hợp các ứng dụng nuôi cấy tế bào * Đã được lọc vô trùng * Đã test endotoxin - Quy cách: Chai/ 100 mL	Chai	1
25	Tris	TB0196	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $C_4H_{11}NO_3$ * Khối lượng phân tử: 121.14 * Độ tinh sạch: $\geq 99.0\%$ * Trạng thái: dạng tinh thể trắng * Độ hoà tan: 40% W/V trong nước; thu được dung dịch không màu hoặc vàng nhạt * Độ pH (5% W/V trong nước): 10.0-11.5 - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
26	Acid acetic (Độ tinh khiết 99.5%)	1000631000	Đức	Merck	* Công thức hóa học: CH_3COOH * Khối lượng phân tử: 60.05 g/mol * Độ tinh sạch: $\geq 99.5\%$ * Nhiệt độ sôi: 116 - 118°C (1013 hPa) * Độ pH: 2.5 (50 g/l, H_2O , 20°C) - Quy cách: Chai/ 1 L	Chai	1
27	Acid hydrochloric 37%	1003171000	Đức	Merck	* Nồng độ: 36.5 - 38.0 % * Tỷ trọng: 1.19 g/cm ³ (20°C) * Độ tinh sạch: $\geq 99.8\%$ * Độ pH: <1 (H_2O , 20°C) - Quy cách: Chai/ 1 L	Chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Bovine serum albumin	AD0023	Canada	Biobasic	* Bovine, fraction V, heat shock isolation pH 7.0 * Dạng bột đông khô màu trắng ngà đến xanh nhạt/ vàng * Độ tinh sạch: $\geq 98.0\%$ * Hàm lượng protein: $\geq 97.0\%$ * Độ pH: 6.5-7.5 hòa tan trong nước (10%) - Quy cách: Chai/ 25 G	Chai	1
29	Bromophenol blue	BB2230	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₁₉ H ₁₀ Br ₄ O ₅ S * Khối lượng phân tử: 669.96 * Trạng thái: dạng bột màu hồng nâu, hồng đào * Khoảng chuyển tiếp màu: pH 3.0 (Vàng) - 4.6 (Xanh dương) - Quy cách: Chai/ 25 G	Chai	1
30	Calcium carbonate (Độ tinh khiết 99%)	GRM39 7-500G	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: CaCO ₃ * Khối lượng phân tử: 100.09 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, khối màu trắng đến trắng ngà * Độ tinh sạch: 99.00 - 100.50% * Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL HCl loãng - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
31	Calcium Chloride (Độ tinh khiết 96%)	1023820 500	Đức	Merck	* Công thức hóa học: CaCl ₂ * 2 H ₂ O * Khối lượng phân tử: 147.01 g/mol * Độ tinh sạch: 99.0 - 102.0 % * Tỷ trọng: 1.85 g/cm ³ (20°C) * Độ pH: 4.5-9.2 (50 g/l, H ₂ O, 20°C) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
32	Ethanol (Độ tinh khiết 99,9%)	1009832 500	Đức	Merck	* Công thức hóa học: C ₂ H ₅ OH * Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol * Độ tinh sạch: $\geq 99.9\%$ * Độ pH: 7.0 (10 g/l, H ₂ O, 20°C) * Hàm lượng Aldehydes (dưới dạng Acetaldehyd): $\leq 0.001\%$ - Quy cách: Chai/ 2.5 L	Chai	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
33	Potassium dihydrogen phosphate	1048730 250	Đức	Merck	* Công thức hóa học: KH_2PO_4 * Khối lượng phân tử: 136.09 g/mol * Độ tinh sạch: 99.5 - 100.5 % * Độ pH: 4.2-4.6 (20 g/l, H_2O , 20°C) * Tỷ trọng: 2.33 g/cm ³ (21.5°C) - Quy cách: Chai/ 250 G	Chai	1
34	Sodium thiosulfate	SD0256	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ * Khối lượng phân tử: 248.11 * Trạng thái: dạng viên, tinh thể, bột tinh thể màu trắng đến trong suốt * Độ tinh sạch: 99.5-101.0% * Độ pH: 6.0-8.4 hòa tan trong nước (5%; 25°C) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
35	Sorbitol	SB0491	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $\text{C}_6\text{H}_{14}\text{O}_6$ * Khối lượng phân tử: 182.18 * Trạng thái: bột tinh thể màu trắng * Độ tinh sạch: 91.0-100.5% * Độ pH: 3.5-7.0 (50%) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
36	Dipotassium hydrogen phosphate	1051041 000	Đức	Merck	* Công thức hóa học: K_2HPO_4 * Khối lượng phân tử: 174.18 g/mol * Độ tinh sạch: $\geq 99.0\%$ * Độ pH: 8.7 - 9.3 (5% trong nước) * Tỷ trọng: 2.45 g/cm ³ (20.5°C) - Quy cách: Chai/ 1 KG	Chai	1
37	EDTA- Na_2	EB0185	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{N}_2\text{O}_8\text{Na}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ * Khối lượng phân tử: 372,24 g/mol * Trạng thái: dạng bột tinh thể, màu trắng * Độ tinh sạch: $\geq 99,0\%$ * pH (1%): 4,0 ~ 5,0 * pH (5%): 4,0 ~ 6,0 * Chloride: $\leq 0,01\%$ - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
38	Glycerol (Độ tinh khiết 99%)	G/0650/15	Mỹ, Hàn Quốc...	Fisher/ ThermoFisher Scientific	* Công thức phân tử: C ₃ H ₈ O ₃ * Khối lượng phân tử: 92.09g/mol * Trạng thái: dạng lỏng, độ nhớt cao * Độ pH: 5 - Quy cách: Chai/ 1 L	Chai	1
39	Sodium acetate	A13184.30	Mỹ, Hàn Quốc...	Alfa Aesar/ ThermoFisher Scientific	* Công thức hóa học: C ₂ H ₃ NaO ₂ * Khối lượng phân tử (g/mol): 82.03 * Trạng thái: tinh thể, bột tinh thể * Độ tinh sạch: ≥98.5 đến ≤101.5% * Dễ tan trong nước, còn - Quy cách: Chai/ 250 G	Chai	1
40	Sodium Carbonate	1063920500	Đức	Merck	* Công thức hóa học: Na ₂ CO ₃ * Khối lượng phân tử: 105.99 g/mol * Độ tinh sạch: ≥ 99.9 % * Độ pH: 11.16 (4 g/l, H ₂ O, 25°C) * Tỷ trọng: 2.52 - 2.53 g/cm ³ (20°C) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
41	Sodium Chloride	1064040500	Đức	Merck	* Công thức hóa học: NaCl * Khối lượng phân tử: 58.44 g/mol * Độ tinh sạch: ≥ 99.5 % * Độ pH: 7 (H ₂ O) * Tỷ trọng: 2.17 g/cm ³ (20°C) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
42	Sodium hydroxide	1064981000	Đức	Merck	* Công thức hóa học: NaOH * Khối lượng phân tử: 40 g/mol * Độ tinh sạch: ≥ 99.0 % * Độ pH: >14 (100 g/l, H ₂ O, 20°C) * Tỷ trọng: 2.13 g/cm ³ (20°C) - Quy cách: Chai/ 1 KG	Chai	1
43	Citric acid (Độ tinh khiết 99,5%)	GRM6826-500G	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: C ₆ H ₈ O ₇ * Khối lượng phân tử: 192.12 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, bột có tính hút ẩm màu trắng * Độ tinh sạch: >= 99.50% * Độ hòa tan: 100 mg hòa tan trong 1 mL nước - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
44	D-Fructose (Độ tinh khiết 99%)	GRM19 6-100G	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: C ₆ H ₁₂ O ₆ * Khối lượng phân tử: 180.16 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, bột có tính hút ẩm màu trắng * Độ tinh sạch: tối thiểu 99.00% * Độ hòa tan: 1000 mg hòa tan trong 1 mL nước - Quy cách: Chai/ 100 G	Chai	1
45	D-GaLactose	GRM10 1-100G	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: C ₆ H ₁₂ O ₆ * Khối lượng phân tử: 180.16 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, bột màu trắng * Độ tinh sạch: tối thiểu 99.00% * Độ hòa tan: 100 mg hòa tan trong 1 mL nước - Quy cách: Chai/ 100 G	Chai	1
46	D-glucose (Độ tinh khiết 99%)	TC130-1KG	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: C ₆ H ₁₂ O ₆ * Khối lượng phân tử: 180.16 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, bột hoặc hạt màu trắng * Độ tinh sạch: tối thiểu 99.00% * Độ hòa tan: 100 mg hòa tan trong 1 mL nước cho dung dịch không màu - Quy cách: Chai/ 1 KG	Chai	2
47	D-Mannitol (Độ tinh khiết 99%)	GRM02 4-500G	Ấn Độ	Himedia	* Công thức hóa học: C ₆ H ₁₄ O ₆ * Khối lượng phân tử: 182.17 g/mol * Trạng thái: dạng tinh thể, bột hoặc hạt màu trắng, trắng ngà * Độ tinh sạch: 99.00 - 102.00% * Độ hòa tan: 100 mg hòa tan trong 1 mL nước cho dung dịch không màu - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	1
48	Natt-Herricks Solution	5593	Mỹ	Ethos Biosciences	* Dung dịch để nhuộm và phân biệt các loại tế bào máu, đặc biệt là máu chim, gia cầm - Quy cách: Chai/ 473 mL	Chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Môi trường LB (Trypton: 10g, Cao nấm men: 5g, NaCl: 10g)	GM1245-500G	Ấn Độ	Himedia	* Thành phần: Tryptone: 10.000 g/L Yeast extract: 5.000 g/L Sodium chloride: 10.000 g/L * pH cuối: 7.5±0.2 (25°C) - Quy cách: Chai/ 500 G	Chai	2
50	Nourseothricin sulfate	N0186-10MG	Mỹ, Sing, EU, ASIA...	Sigma/Merck	* Nguồn sinh học: Streptomyces sp. * Phù hợp các ứng dụng nuôi cấy tế bào * Kháng sinh chọn lọc ưu thế cho vi khuẩn, nấm men, nấm, động vật nguyên sinh và thực vật biến đổi gen - Quy cách: Ống/ 10 MG	Ống	1
51	Đĩa ELISA 96 giếng (đáy tròn, nhựa PS có xử lý bề mặt, vô trùng)	5096/U/SG	Ý	Aptaca	* Đĩa 96 giếng đáy chữ U * Chất liệu: polystyrene * Kích thước: 86 x 128 mm * Tiết trùng từng cái - Quy cách: Thùng/ 50 đĩa	Thùng	2
52	Đĩa petri nhựa (nhựa PS trong suốt, vô trùng)	PD0004	Việt Nam	Mida	* Dùng cho các quy trình cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm thông thường cũng như phù hợp với hệ thống máy tự động * Đĩa petri kích thước 90 x 15 mm * Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene * Tiết trùng bằng tia gamma, đóng kín theo gói/ 20 cái - Quy cách: Thùng/ 500 cái	Thùng	14
53	Epp 1,5ml (nhựa PP)	131-715C	Nhật Bản	Watson	* Tốc độ ly tâm: 20,000 x G * Thân có vạch chia thể tích: 500/ 1000/ 1500 µL * Nắp phẳng và thân có bề mặt ghi chú * Có thể hấp tiệt trùng * RNase/ DNase/ Human-DNA free - Quy cách: Gói/ 1000 cái	Gói	10
54	Epp PCR 0,2ml (DNase; RNase free)	137-211C	Nhật Bản	Watson	* Tube PCR thể tích 0.2 mL * Chất liệu: Polypropylene * Không nhiễm RNase, DNase, Human DNA * Thân tube có bề mặt để ghi chú - Quy cách: Gói/ 1000 cái	Gói	10

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Falcon 15ml (nhựa PP, vô trùng)	50015	Hàn Quốc	SPL	* Ống ly tâm đáy nhọn, thể tích 15 mL * Vạch chia thể tích trên thân ống * Chất liệu (tube/nắp): PP/HDPE (Tốc độ ly tâm: 13,000 x g - Đã kiểm tra không gây độc tế bào, không nhiễm DNase/ RNase, DNA người - Đóng gói trong túi zip tiệt trùng - Quy cách: Gói/ 50 cái	Gói	5
56	Falcon 50ml đáy nhọn (nhựa PP, vô trùng)	50050	Hàn Quốc	SPL	* Ống ly tâm đáy nhọn, thể tích 50 mL * Vạch chia thể tích trên thân ống * Chất liệu (tube/nắp): PP/HDPE * Tốc độ ly tâm: 14,000 x g * Đã kiểm tra không gây độc tế bào, không nhiễm DNase/ RNase, DNA người *(Đóng gói trong túi zip tiệt trùng - Quy cách: Gói/ 25 cái	Gói	5
57	Pipette đơn kênh (0.2-2.0 μ L)	NT-S2	Nhật Bản	Watson	* Pipette đơn kênh thể tích hút 0.2-2 μ L * Nhẹ và độ cân bằng tốt, thoải mái * Có khóa nút xoay thể tích để ngăn ngừa sai lệch thể tích trong quá trình vận hành * Màn hình hiển thị số ba chữ số ở trên cùng và màn hình hiển thị thang đo một chữ số bên dưới	Cây	2
58	Pipette đơn kênh (1-10 μ L)	NT-S10	Nhật Bản	Watson	* Pipette đơn kênh thể tích hút 1-10 μ L * Nhẹ và độ cân bằng tốt, thoải mái * Có khóa nút xoay thể tích để ngăn ngừa sai lệch thể tích trong quá trình vận hành * Màn hình hiển thị số ba chữ số ở trên cùng và màn hình hiển thị thang đo một chữ số bên dưới	Cây	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	Pipette đơn kênh (2-20 µL)	NT-S20	Nhật Bản	Watson	* Pipette đơn kênh thể tích hút 2-20 µL * Nhẹ và độ cân bằng tốt, thoải mái * Có khóa nút xoay thể tích để ngăn ngừa sai lệch thể tích trong quá trình vận hành * Màn hình hiển thị số ba chữ số ở trên cùng và màn hình hiển thị thang đo một chữ số bên dưới	Cây	2
60	Tip 100-1000 µL, nhựa PP	110-706C	Nhật Bản	Watson	* Đầu tip thể tích 1000 µL * Chất liệu: polypropylene * Thân có chia vạch chỉ thể tích: 200-500-1000 µL * Chứng nhận: Human-DNA free, DNase/ RNase free * Thành tip mỏng, điểm đầu siêu mỏng để phân phối chất lỏng hoàn toàn - Quy cách: Gói/ 1000 cái	Gói	15
61	Tip 20-200 µL, nhựa PP	110-705C	Nhật Bản	Watson	* Đầu tip thể tích 200 µL * Chất liệu: polypropylene * Thân có chia vạch chỉ thể tích: 20-50-100 µL * Chứng nhận: Human-DNA free, DNase/ RNase free - Quy cách: Gói/ 1000 cái	Gói	15
62	Tip Trắng (0,1-10 µL, nhựa PP)	110-207C	Nhật Bản	Watson	* Đầu tip thể tích 10 µL * Chất liệu: polypropylene * Thân có chia vạch chỉ thể tích: 2-10 µL * Chứng nhận: Human-DNA free, DNase/ RNase free - Quy cách: Gói/ 1000 cái	Gói	15
63	Cột HisTrap™ HP (5 x 5ml)	17524802	Mỹ	Cytiva	* Kỹ thuật sắc ký: tinh chế protein gắn histidine * Khả năng liên kết/Cột: ít nhất 40 mg protein gắn histidine/mL môi trường * Đường kính cột: 16 mm * Tốc độ: 4 mL/phút (1 mL), 5 mL/phút (5mL) * Áp suất cột: 5 bar [0.5 MPa] (70 psi) - Quy cách: Bộ/ 5 x 5 mL	Bộ	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
64	Màng lọc vô trùng 0.2 µm	S7597-FXOSK	Đức	Sartorius	* Chất liệu: SFCA (Surfactant-free Cellulose Acetate) * Đường kính lỗ lọc: 0,2 µm * Đường kính phin lọc: 28 mm * Tệt trùng từng cái - Quy cách: Hộp/ 50 cái	Hộp	5
65	Màng Nitrocellulose (0.45 µm)	88025	Mỹ	Thermo Scientific/ ThermoFisher Scientific	* Màn Nitrocellulose cắt sẵn kích thước 10.5 x 7.9 cm * Thích hợp để chuyển màng các protein (>20 kDa) và acid nucleic (>300 bp) * Tín hiệu nền thấp trong cả kỹ thuật WB phát quang hóa học và huỳnh quang - Quy hoạch: Hộp/ 15 miếng	Hộp	4
66	Paraffin cuộn	PM996	Mỹ	Bemis/ Amcor	* Ngăn chặn sự mất độ ẩm hoặc hấp thụ độ ẩm của mẫu * Khả năng kéo dài hơn 350% chiều dài ban đầu, cho phép bám vào các hình dạng như ống nghiệm, bình cầu, cốc thủy tinh... * Chiều rộng: 4" (10 cm) * Chiều dài: 125' (38 m) - Quy cách: Cuộn/10cm x 38.1m	Cuộn	1
67	Lame glass	7105	Trung Quốc	GreetMed	* Lam kính kích thước: 25.4 x 76.2mm * Độ dày: 1 - 1.2mm * Có một góc nhám bề mặt thuận tiện cho ghi chú, cầm nắm - Quy cách: Hộp/ 72 cái	Hộp	5
68	Bông không thấm		Việt Nam	Bảo Thạch	* Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên * Đã được chải qua để loại bỏ tạp chất * Không thấm nước - Quy cách: Gói/ 1 KG	Gói	12
69	Bông thấm		Việt Nam	Bảo Thạch	* Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên * Bông trắng và sạch * Khả năng thấm hút cao và nhanh - Quy cách: Gói/ 1 KG	Gói	12

STT	Danh mục hàng hóa	Ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
70	Găng tay không bột		Việt Nam	Vglove	* Bảo vệ khỏi các chất không mong muốn hay nguy hiểm * Có mép cuộn cổ tay giúp việc đeo găng dễ dàng hơn * Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao - Quy cách: Hộp/ 50 đôi	Hộp	20
71	Khẩu trang		Việt Nam	An Phúc	* Chất liệu: vải không dệt sạch, dày mịn, 4 lớp * Thanh nẹp mũi định hình giữ khẩu trang * Ngăn ngừa vi khuẩn, bụi bẩn và các bệnh lây qua đường hô hấp - Quy cách: Hộp/ 50 đôi	Hộp	20

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: 90 ngày
- Thời gian giao hàng: 60 ngày
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán chuyển khoản 100%
- Điều khoản bảo hành